

Bản án số: 191/2022/DS-PT

Ngày: 07-9-2022

V/v “Tranh chấp
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đăng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 164/2022/DS-PT ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2022/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân TPVL, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 205/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1991. Địa chỉ: đường 14 tháng 9, phường 5, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Minh H2, sinh năm 1976 (có mặt). Địa chỉ: Số 9 đường NVT, phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thái Bảo C1, sinh năm 1981. Địa chỉ: đường 14 tháng 9, phường 5, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái C2, sinh năm 1971 (có mặt). Địa chỉ: đường 1 tháng 5, phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H3, sinh 1974 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: đường 14 tháng 9, phường 5, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1969 (vắng mặt). Địa chỉ: đường 14 tháng 9, phường 5, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

4. Ủy ban nhân dân TPVL, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt). Địa chỉ: đường 30 tháng 4, phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10/3/2020 và các đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 09/7/2020, ngày 04/8/2020 của chị Nguyễn Ngọc H1 và các lời trình bày tiếp theo của bà H2 đại diện ủy quyền của chị H1 trình bày:

Năm 2009, bà Nguyễn Thị Nga là mẹ ruột của chị H1 có nhận chuyển nhượng một phần đất của bà Nguyễn Thị Lượm do bà Lượm đứng tên đăng ký, hai bên lập hợp đồng bằng giấy viết tay vào ngày 23/3/2009, diện tích chuyển nhượng là ngang trước 6,1m, ngang sau 5,8m x dài 7m, phần đất thuộc thửa 441, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại khóm 6, phường 5, TPVL. Giá chuyển nhượng là 8.000.000đ, bà Nga đã trả đủ tiền cho bà Lượm có Ah Nhân là con bà Lượm chứng kiến việc giao trả tiền và xác nhận của trưởng khóm 6, phường 5, TPVL. Ngay sau khi nhận chuyển nhượng thì bà Nga đã xây dựng nhà trên phần đất nhận chuyển nhượng để sinh sống nhưng chưa đăng ký tách thửa thì năm 2013 bà Nga bị tai nạn chết nên chị H1 là con ruột tiếp tục ở sinh sống tại nhà đất này. Bà Nga chỉ có 01 người con là chị Hòa, ngoài ra không còn người con nào khác.

Năm 2009, bà Lượm chuyển nhượng một phần đất nêu trên cho bà Nga, sau đó đến năm 2014 bà Lượm mới chuyển nhượng toàn bộ diện tích còn lại cho bà C1. Vào thời điểm bà Lượm chuyển nhượng cho bà C1 thì bà Nga đã xây nhà ở và sinh sống trên phần đất được chuyển nhượng của bà Lượm cùng với con gái là chị H1. Bà Lượm cũng có nói với bà C1 về việc bà đã chuyển nhượng phần đất bà Nga đang xây nhà ở, diện tích bà Lượm chuyển nhượng cho bà C1 không bao gồm diện tích có căn nhà của bà Nga vì phần đất này bà Lượm đã chuyển nhượng cho bà Nga sử dụng trước.

Do chị H1 muốn đăng ký tách thửa quyền sử dụng đất thì không thực hiện được do phần đất bà Nga nhận chuyển nhượng của bà Lượm đã được cấp vào thửa đất số 441 cho bà C1. Hiện bà Lượm và ông Cửa đã chết. Năm 2020, chị H1 yêu cầu bà C1 cho chị được tách thửa để đăng ký phần đất bà Nga nhận chuyển nhượng của bà Lượm, tại buổi H1 giải của Ủy ban nhân dân phường 5, TPVL thì bà C1 đồng ý nhưng đến khi cán bộ đo đạc đến đo đạc thì không đồng ý. Vì vậy, chị H1 khởi kiện yêu cầu công nhận phần đất có diện tích là 33,4m² cho chị H1 được đăng ký sử dụng, chị H1 thống nhất diện tích trên theo kết quả khảo sát đo đạc của cơ quan chuyên môn đất đai. Trên phần đất chị H1 tranh chấp chỉ có căn nhà cấp 4 do chị H1 đang trực tiếp quản lý sử dụng. Trường hợp bà C1 không đồng ý công nhận phần đất này thì chị H1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C1 vì thời điểm bà C1 nhận chuyển nhượng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã có căn nhà bà Nga đang trực tiếp sinh sống trên thửa đất này.

Tại Tòa, bà H2 đại diện ủy quyền của chị H1 trình bày: Chị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được công nhận diện tích đất 33,4m² theo kết quả khảo sát đo đạc thuộc thửa 441 tờ bản đồ 28 tọa lạc tại khóm 6, phường 5, TPVL cho chị H1. Mặc dù phần đất này, mẹ chị đã nhận chuyển nhượng của bà Lượm và thanh toán đủ tiền nhưng chị H1 đồng ý tự nguyện hoàn giá trị phần đất cho bà C1 theo giá đất nhà nước quy định là 270.000đ/m² loại đất cây lâu năm được tính bằng 270.000đ x 33,4m² = 9.018.000đ. Chị H1 cũng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí khảo sát đo đạc là 1.582.000đ.

Bị đơn bà Huỳnh Thái Bảo C1 trình bày: Thửa đất số 441, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.295,2m² tọa lạc tại khóm 6, phường 5, TPVL hiện nay do bà C1 đứng tên quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất này do bà C1 nhận chuyển nhượng của ông Cửa và bà Lượm theo hợp đồng ngày 19/9/2014 có công chứng theo quy định pháp luật. Giá chuyển nhượng thửa đất là 325.000.000đ. Trong diện tích 1.295,2m² thì có 200m² là đất thổ còn lại là đất vườn. Thực tế thửa đất số 441, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.295,2m² tọa lạc tại khóm 6, phường 5, TPVL đã được cha bà là ông Huỳnh Văn Nhiệm nhận chuyển nhượng của bà Lượm vào năm 2001-2002 nhưng không đăng ký cấp quyền sử dụng đất vì đất nằm trong quy hoạch kho bãi Cổ Chiên của phường 5, thành phố Vĩnh Long. Năm 2014, đất không còn thuộc quy hoạch, bà Lượm mới làm thủ tục chuyển nhượng cho bà C1. Bà C1 không biết việc bà Lượm đã chuyển nhượng đất của bà cho bà Nga vì ông Cửa, bà Lượm không nói. Thời điểm bà C1 đăng ký quyền sử dụng đất thì không có căn nhà của chị Hòa mà chỉ có căn nhà của ông Biểu là thuộc thửa đất 237 (ông Biểu là ông ngoại của chị Hòa). Phía sau nhà ông Biểu là đất của bà C1 nhưng có bụi tre lớn, ông Biểu xây mái che Lượm và ông Cửa và đã đăng ký tên người sử dụng đất cho đến nay. Còn thửa 441 đến năm 2014 thì bà C1 mới ký hợp đồng chuyển nhượng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng phần đất có nhà chị H1 ở hiện nay là do chị H1 tự ý xây dựng coi nới ra sau nhà của bà ngoại chị H1, lấn chiếm qua đất thửa số 441 của bà C1, do đó bà C1 không đồng ý công nhận cho chị H1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H4 trình bày (BL 215 - 216): Bà H4 là con ruột của bà Lượm và ông Cửa. Năm 2009 bà Lượm có chuyển nhượng cho bà Nga mẹ chị H1 một diện tích đất (vị trí là căn nhà chị H1 hiện đang sinh sống), hai bên thỏa thuận diện tích và giá cả bao nhiêu bà H4 không biết nhưng bà H4 biết có làm giấy tay mua bán đất và được ông Tâm là trưởng khóm 6, phường 5 ký xác nhận sự việc. Khi bà Lượm chuyển nhượng đất cho bà Nga thì bà H4 có biết sự việc. Thời điểm này phần đất bà Nga nhận chuyển nhượng là có bụi tre lớn và đất giáp mương rạch công cộng. Ngay sau khi nhận chuyển nhượng đất thì bà Nga dọn bụi tre và cất nhà lá, cột cây đề ở cho đến năm 2013 bà Nga chết. Sau khi bà Nga chết thì chị H1 tiếp tục sinh

sống và có sửa chữa nhà lại như hiện trạng hiện nay. Theo bà H4 khai, bà Nga cất nhà trên phần đất nhận chuyển nhượng của bà Lượm từ năm 2009 sau khi lập giấy mua bán đất viết tay với bà Lượm. Sau đó bà Lượm và ông Cửa mới chuyển nhượng phần còn lại cho bà C1. Phần đất bà Nga sử dụng nằm ngoài H4ng rào không thuộc phần đất bà C1 nhận chuyển nhượng. Theo bà H4 việc bà Nga nhận chuyển nhượng đất của bà Lượm từ năm 2009 và bà Nga cất nhà ở trên đất ngay sau khi nhận chuyển nhượng đất của bà Lượm là sự thật và H4ng xóm xung quanh ai cũng biết sự việc này, còn việc bà Nga không lập thủ tục đăng ký đất là vì hoàn cảnh bà Nga rất nghèo khó, không có tiền đóng các phí, thuế sử dụng đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân TPVL có văn bản nêu ý kiến như sau (BL 107): Thửa đất 441, diện tích 1.295,2m² do bà Lượm và ông Cửa đứng tên và được Ủy ban nhân dân TPVL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 613213 ngày 08/9/2014. Ngày 19/9/2014, bà Lượm ông Cửa chuyển nhượng thửa đất trên cho bà C1 theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/9/2014 và được Ủy ban nhân dân TPVL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 678451 tại phần đất trên. Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C1 căn cứ dựa vào hợp đồng chuyển nhượng nên cơ quan chuyên môn không khảo sát đo đạc cắm mốc ranh và không xem xét đến trên đất có căn nhà của chị H1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2022/DS-ST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân TPVL đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 165, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, 203 Luật Đất đai; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và để nuôi gà, hơn nữa thời điểm này thửa đất 441 của bà C1 đã cho trường lái xe thuê nên bà không để ý đến việc ông Biều và chị Hòa xây lán phía sau nhà ông Biều qua đất của bà. Bà C1 không đồng ý chị H1 khởi kiện yêu cầu công nhận phần đất của bà cho chị H1, cũng không đồng ý chị H1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà vì bà nhận chuyển nhượng đất hợp pháp và được cấp giấy theo quy định, còn việc chị Hòa cho rằng đã nhận chuyển nhượng của ai thì tranh chấp với người đã chuyển nhượng đất.

Tại phiên tòa bà C1 và ông C2 là người đại diện ủy quyền của bà C1 trình bày: Bà C1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị H1 yêu cầu công nhận cho chị H1 được sử dụng diện tích 33,4m² đất thuộc thửa 441 tờ bản đồ số 28 của bà C1. Từ năm 1999 đến 2003, cha mẹ bà C1 đã nhận chuyển nhượng cả hai thửa đất số 25 và 441 của ông Cửa và bà Lượm, giá chuyển nhượng của cả hai thửa đất số 25 và 441 là hơn 179.881.500đ, đã thanh toán đủ cho bà Lượm và ông Cửa, khi nhận tiền ông Cửa và bà Lượm có ghi biên nhận. Năm 2003, mẹ bà C1 đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 25 với bà

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H1.

Công nhận cho chị Nguyễn Ngọc H1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 33,4m² thuộc thửa số 441, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại khóm 6, phường 5, TPVL, tỉnh Vĩnh Long (Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TPVL ngày 07/6/2021, BL 132). Chị H1 và bà C1 có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H1 phải bồi hoàn bà C1 số tiền 9.018.000đ (Chín triệu không trăm mười tám ngàn đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản, án phí, nghĩa vụ thi H4nh án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, bị đơn bà Huỳnh Thái Bảo C1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận cho chị Nguyễn Ngọc H1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 33,4 m², thuộc thửa đất số 441, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại khóm 6, phường 5, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận chị C1 giao cho nguyên đơn Nguyễn Ngọc H1 tiếp tục quản lý, sử dụng và đăng ký quyền sử dụng phần đất 33,4 m², thuộc thửa 441, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại khóm 6, phường 5, TPVL, tỉnh Vĩnh Long, chị H1 có trách nhiệm trả giá trị đất (33,4 m²) cho chị C1 số tiền 60.000.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu phân nửa; chi phí khảo sát, đo đạc và định giá cấp sơ thẩm chị H1 chịu toàn bộ, chi phí định giá cấp phúc thẩm chị C1 chịu toàn bộ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Phân tích nội dung, chứng cứ và đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn, chị H1 tiếp tục sử dụng và đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất 33,4 m², thửa 441, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại khóm 6, phường 5, TPVL, tỉnh Vĩnh Long. Chị H1 có trách nhiệm trả giá trị đất cho chị C1 60.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thái Bảo C1 còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Phát đất 33,4 m², thửa 441, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại khóm 6, phường 5, TPVL, tỉnh Vĩnh Long do bà Huỳnh Thái Bảo C1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích thực đo 33,4 m² thuộc chiết thửa 441 là do bà Nga mẹ của bà H1 chuyển nhượng của bà Lượm, ông Cửa (bà Lượm, ông Cửa hiện đã chết) chiều ngang 6,1m, dài 7m, chiều ngang phía sau 5,8m, việc chuyển nhượng bằng giấy viết tay, chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trên phần đất tranh chấp bà Nga, bà H1 cất nhà ở, hiện nay bà H1 đang ở; Phía bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp diện tích thực đo 33,4 m², thửa 441 có nguồn gốc của bà Lượm, ông Cửa (nằm trong diện tích 1.295,2 m²), vào khoảng năm 2001, 2002 cha bà là ông Huỳnh Văn Nhiệm chuyển nhượng của bà Lượm, ông Cửa nhưng do phần đất này nằm trong quy hoạch kho bãi Cổ Chiên của phường 5 nên không đăng ký cấp quyền sử dụng đất, đến năm 2014 không còn quy hoạch nên bà Lượm, ông Cửa lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà C1 (con ông Nhiệm) theo đúng quy định của pháp luật và bà C1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/11/2014.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận chị C1 giao cho nguyên đơn Nguyễn Ngọc H1 tiếp tục quản lý, sử dụng và đăng ký quyền sử dụng phần đất 33,4 m², thửa 441, tờ bản đồ 28, tọa lạc tại khóm 6, phường 5, TPVL, tỉnh Vĩnh Long, chị H1 có trách nhiệm trả giá trị đất (33,4 m²) cho chị C1 số tiền 60.000.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu phân nửa; chi phí khảo sát, đo đạc và định giá cấp sơ thẩm chị H1 chịu toàn bộ, chi phí định giá cấp phúc thẩm chị C1 chịu toàn bộ.

Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chấp nhận kháng cáo của chị C1, sửa án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị C1 nộp theo quy định của pháp luật.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thái Bảo C1, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 165, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, 203 Luật Đất

đại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Công nhận cho chị Nguyễn Ngọc H1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 33,4m² thuộc thửa số 441, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại khóm 6, phường 5, TPVL, tỉnh Vĩnh Long (Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TPVL ngày 07/6/2021, BL 132). Chị H1 và bà C1 có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Ngọc H1 phải bồi hoàn giá trị đất cho bà Huỳnh Thái Bảo C1 số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi H4nh án của người được thi H4nh án cho đến khi thi H4nh án xong, H4ng tháng bên phải thi H4nh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi H4nh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc H1 nộp 1.500.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0005731 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi H4nh án dân sự TPVL. Chị H1 còn phải nộp tiếp 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng); Chị Huỳnh Thái Bảo C1 nộp 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

3/ Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Huỳnh Thái Bảo C1 nộp 300.000 đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0001310 ngày 22/6/2022 tại Chi cục Thi H4nh án dân sự TPVL nên không phải nộp tiếp.

4/ Chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản sơ thẩm: Chị H1 nộp 1.582.000 đồng và đã nộp xong.

5/ Chi phí định giá tài sản sơ thẩm: Chị C1 nộp 1.435.000 đồng và đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi H4nh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi H4nh án dân sự thì người được thi H4nh án dân sự, người phải chịu thi H4nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H4nh án, được quyền yêu cầu thi H4nh án, tự nguyện thi H4nh án hoặc cưỡng chế thi H4nh án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi H4nh án; thời hiệu thi H4nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi H4nh án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND TPVL: 01;
- THADS TPVL: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đăng

